

Bản án số: **1110/2026/DS-ST**

Ngày 10/09/2026

V/v “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Ngô Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Lưu Thị Kim Hiền**

2. Bà Nguyễn Thị Diệp Anh

- Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thu Hương** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 09 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1061/2026/QĐST-ST ngày 24/8/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Bà Phạm Thị X**, sinh năm 1973;

CCCD số 001173020200; cấp ngày: 21/4/2021; nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội. Địa chỉ: B số N, phường H, thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1972;

CCCD số 001072030848; cấp ngày: 25/5/2023; nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội. HKTT: số 20 tổ B phường L, thành phố Hà Nội; Nơi ở: 1 Điện Biên, phường B, thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình (nay là Thi hành án dân sự

thành phố H); Địa chỉ: Số F T, phường Đ, quận B, Hà Nội. Ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Mai P – Quyền trưởng Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 (theo giấy ủy quyền số 312 ngày 27/8/2026). (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Trần Như T, sinh năm 1962;

CCCD số 001062018608; cấp ngày: 10/7/2021; nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội. Địa chỉ: Chùa T N, phường B, Hà Nội. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2025 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Phạm Thị X trình bày:

- **Về tình cảm:** Bà và ông Nguyễn Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, Hà Nội vào ngày 17/6/2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà về chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bất đồng lối sống, tuy hai vợ chồng ở chung nhà nhưng mỗi người ở một phòng, không sinh hoạt vợ chồng, không quan tâm đến nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà X xin được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H.

- **Về con chung:** Bà X xác nhận quá trình chung sống, vợ chồng bà có 01 (một) con chung là Nguyễn Đức M (giới tính: nam), sinh ngày 14/11/1995. Khi ly hôn cháu M đã trưởng thành vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản và nhà ở chung:**

Về tài sản chung: Các vật dụng trong gia đình bà và ông H xin tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nhà ở chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà và ông Nguyễn Ngọc H có tạo dựng được khối tài sản là 1 căn nhà có diện tích 24,7m² tại địa chỉ số A ngách B đường Đ, phường Đ, Hà Nội sổ đỏ đứng tên hai vợ chồng. Khi ly hôn bà X có nguyện vọng được giữ lại nhà đất trên để ở và sẽ thanh toán lại phần giá trị cho ông Nguyễn Ngọc H.

- **Về nợ chung:** Quá trình chung sống vợ chồng bà có vay của ông Trần Như T (là trụ trì của chùa T3) số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để mua nhà tại địa chỉ A ngách B đường Đ. Hiện nay số tiền này vẫn chưa trả được cho ông T. Do vậy bà X yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H phải cùng có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho ông T.

Ngoài ra, ông Nguyễn Ngọc H còn một một nghĩa vụ phải thi hành án theo bản án số 204/2024-HSST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận Thanh Xuân theo quyết định thi hành án số 476/QĐ-CCTHADS ngày 9/12/2024. Tuy nhiên đây là khoản nợ, nghĩa vụ riêng của ông H, do vậy ông H phải tự chịu trách nhiệm đối với phần nghĩa vụ thi hành án này.

Ngoài ra bà X không yêu cầu gì khác.

Bị đơn: Trong bản tự khai và quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

- **Về tình cảm:** Ông xác nhận quá trình kết hôn và chung sống như bà X đã trình bày là đúng. Ông và bà X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, Hà Nội.

Sau khi cưới vợ chồng ông về chung sống với nhau hạnh phúc cho đến khoảng năm 2021 do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng bắt đầu có lục đục, mâu thuẫn. Căng thẳng nhất từ tháng 10/2021 vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng tuy sống trong một nhà nhưng ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà X xin ly hôn, ông H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà X.

- **Về con chung:** Ông Nguyễn Ngọc H xác nhận quá trình chung sống ông và bà X có 01 (một) con chung là Nguyễn Đức M (giới tính: nam), sinh ngày 14/11/1995. Con chung đã trưởng thành nên việc ở với ai do con tự quyết định, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản:** Các động sản trong nhà như ti vi, tủ lạnh, xe máy.... Ông và bà X tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án phải phân chia.

Về bất động sản: Quá trình chung sống vợ chồng bà và ông Phạm Thị X và ông Nguyễn Ngọc H có 1 căn nhà có diện tích 24,7m² tại địa chỉ số A ngách B đường Đ,

phường Đ, Hà Nội sở dĩ đứng tên hai vợ chồng là tài sản chung. Bà X có nguyện vọng được ở ngôi nhà này vì bà X không còn nhà nào khác để ở nên ông H đồng ý để bà X được toàn quyền quản lý, sử dụng nhà đất trên. Bà X phải có trách nhiệm thanh toán lại phần giá trị ông H được hưởng để ông H thực hiện nghĩa vụ theo quyết định của thi hành án.

Về kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần G và thẩm định giá Phương Đ, ông đã được tiếp cận và nhất trí với kết quả thẩm định giá là 4.175.350.000 đồng không có ý kiến gì.

- **Về nợ chung:** Quá trình chung sống ông và bà Phạm Thị X có vay của ông Trần Như T (là trụ trì của chùa T3) số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để mua nhà tại địa chỉ A ngách B đường Đ. Hiện nay số tiền này vẫn chưa trả được cho ông T. Đây là khoản nợ chung của hai vợ chồng nay vợ chồng ly hôn ông T có đơn yêu cầu đòi số tiền vợ chồng ông đã vay ông cũng đồng ý, ông đề nghị cả ông và bà Phạm Thị X đều phải có trách nhiệm để trả cho ông T.

Ngoài ra, ông còn một một nghĩa vụ phải thi hành án theo bản án số 204/2024-HSST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận Thanh Xuân theo quyết định thi hành án số 476/QĐ-CCTHADS ngày 9/12/2024. Tuy nhiên đây là khoản nợ, nghĩa vụ riêng của ông nên ông không yêu cầu bà X phải có trách nhiệm với nghĩa vụ này.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Trần Như T trong quá trình giải quyết vụ án đã có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Ngọc H phải trả cho ông số tiền vay nợ là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) mà ông đã cho bà X và ông H vay. Ông T không yêu cầu ông H và bà X phải trả tiền lãi của số tiền vay trên.

- Cục quản lý Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội - Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 do bà Nguyễn Thị Mai P là đại diện theo ủy quyền có ý kiến: Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 – Hà Nội đã có quyết định thi hành án chủ động số: 476/QĐ-CCTHADS ngày 9/12/2024 của chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình trên cơ sở bản án đã có hiệu lực pháp luật số: 204/2024/HS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội. Do đó ông Nguyễn Ngọc H phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền đã vay của Nguyễn Bích T2 là 5.000.000.000 đồng

(năm tỷ đồng). Nay bà Phạm Thị X xin ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đảm bảo các khoản thu cho ngân sách của nhà nước.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Như T và Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội do bà Nguyễn Thị Mai P Quyền trưởng Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua lời khai của đương sự tại phiên tòa hôm nay cho thấy vợ chồng bà X và ông H không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ.

Con chung của ông H và bà X đã trưởng thành, không xem xét.

Về nhà đất: Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nhà đất tại địa chỉ số A ngách B đường Đ, phường Đ, Hà Nội là tài sản chung của ông H và bà X trong quá trình hôn nhân. Yêu cầu chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân của bà X là có căn cứ.

Về nợ chung: Ông H và bà X phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Trần Như T.

Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu trách nhiệm thi hành án theo quyết định thi hành án chủ động số 476/QĐ-CCTHADS ngày 9/12/2024.

Về án phí hôn nhân gia đình và dân sự sơ thẩm: Các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, Hà Nội vào ngày 17/6/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, từ năm 2021 đến nay ông H và bà X đã sống ly thân. Bà X xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn, ông H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn bà X. Do đó, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà X và xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Ngọc H.

[2]. Về con chung:

Quá trình chung sống ông Nguyễn Ngọc H và bà Phạm Thị X có 01 (một) con chung là Nguyễn Đức M (giới tính: Nam), sinh ngày 14/11/1995 Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về tài sản:

Về động sản: Bà X và ông H xác nhận tự thỏa thuận giải quyết về động sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về bất động sản:

Bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Ngọc H cùng xác nhận nhà đất tại địa chỉ số A ngách B đường Đ, phường Đ, quận B, Hà Nội (nay là phường B, Hà Nội) là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Bà X và ông H cùng đề nghị Tòa án xử cho bà X được chia hiện vật là nhà đất và bà X sẽ có trách nhiệm thanh toán phần giá trị cho ông H ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nhà đất tại địa chỉ số A ngách B đường Đ, phường B, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 682389 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 30/12/2022 đứng tên ông Nguyễn Ngọc H và bà Phạm Thị X. Thửa đất số 111 tờ bản đồ số 66; diện tích đất 24,7m². Nhà ở diện tích sàn 41m²,

Theo hồ sơ thẩm định giá số 167/2026/0616-PD của Công ty cổ phần G và thẩm định giá Phương Đ: Nhà đất tại địa chỉ số A ngách B đường Đ, phường B, Hà

Nội có diện tích đất thực tế là $24,7\text{m}^2$ và tổng diện tích xây dựng là $148,2\text{ m}^2$, giá trị là:

Giá trị quyền sử dụng đất:

$$24,7\text{m}^2 \times 153.096.000\text{đ}/\text{m}^2 = 3.781.471.200 \text{ đồng}$$

Nhà xây 04 tầng 1 tum, giá trị xây dựng nhà còn lại là:

$$(24,7\text{m}^2 \times 5) \times 5.895.636 \text{ đ}/\text{m} \times 45,08\% = 393.878.976 \text{ đồng.}$$

Tổng giá trị cả nhà và đất là: $3.781.471.200 \text{ đồng} + 393.878.976 \text{ đồng} = 4.175.350.000 \text{ đồng}$. Phân chia như sau:

Bà X được chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất và $\frac{1}{2}$ giá trị xây dựng là: $2.087.675.000 \text{ đồng}$.

Ông H được chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất và $\frac{1}{2}$ giá trị xây dựng là: $2.087.675.000 \text{ đồng}$.

Vì diện tích nhà đất trên nhỏ, nếu phân chia bằng hiện vật cho cả hai vợ chồng thì diện tích không đủ điều kiện để làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của nhà nước. Do đó cần phải chia cho một người nhận hiện vật và người kia được nhận về phần giá trị là có căn cứ.

Bà Phạm Thị X có nguyện vọng được chia nhà đất tại địa chỉ số A ngách B đường Đ, phường B, Hà Nội cho bà sở hữu và sử dụng. Ông Nguyễn Ngọc H cũng xác nhận ngoài nhà đất này ra bà X không có nơi ăn ở sinh sống nào khác và đồng ý để bà X được toàn quyền sở hữu sử dụng nhà đất trên. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cho bà Phạm Thị X được toàn quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt nhà đất tại địa chỉ số A ngách B đường Đ, phường B, Hà Nội là có căn cứ. Bà Phạm Thị X có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Nguyễn Ngọc H số tiền $2.087.675.000 \text{ đồng}$ (tương ứng với giá trị $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất trên).

- Về nợ chung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như các lời khai của Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thể hiện ông Nguyễn Ngọc H và bà Phạm Thị X còn nợ của ông Trần Như T số tiền $1.000.000.000 \text{ đồng}$ (một tỷ đồng). Ông Trần Như T đã có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu bà X và ông H phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho ông T là có căn cứ. Nên chấp nhận buộc bà X và ông H mỗi người phải trả cho ông T $500.000.000 \text{ đồng}$

Đối với phần nghĩa vụ phải thi hành án theo quyết định thi hành án chủ động số 476/QĐ-CCTHADS ngày 9/12/2024. Xét thấy đây là nghĩa vụ của riêng ông Nguyễn Ngọc H. Bà Phạm Thị X không đồng ý trả nợ cùng ông H vì khoản tiền này

ông H không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Do vậy ông Nguyễn Ngọc H phải tự chịu trách nhiệm là có căn cứ.

[4]. Về án phí: Bà X và ông H mỗi người được chia 2.087.675.000 đồng nên mỗi người phải chịu 56.087.675 đồng và 21.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tổng án phí bà X, ông H mỗi người phải chịu: 77.087.675 đồng

Ngoài ra Bà X còn phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tổng án phí bà X phải chịu: 77.087.675 đồng + 300.000 đồng = 77.387.675 đồng.

Xác nhận bà X đã nộp 46.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0021279 ngày 25/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội - Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1. Bà Phạm Thị X còn phải nộp 31.387.675 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Các Điều 33, 55, 56, 58; 59; 62; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28; 144; 147; 217; 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân : Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Ngọc H.

- Về con chung: Bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Ngọc H cùng xác nhận có 01 (một) con chung là Nguyễn Đức M (giới tính : Nam) , sinh ngày 14/11/1995. Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản:

+ Động sản: Bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Ngọc H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

+ Về bất động sản: Xác định quyền sử dụng đất tại thửa đất số 111 tờ bản đồ số 66 có địa chỉ tại số A ngách B đường Đ, phường B, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 682389 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 30/12/2022 đứng tên ông Nguyễn Ngọc H và bà Phạm Thị X là tài sản chung vợ chồng có giá trị 4.175.350.000 đồng.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Ngọc H: Bà Phạm Thị X được toàn quyền quản lý, sở hữu, sử dụng nhà đất tại địa chỉ số A ngách B đường Đ, phường B, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 682389 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 30/12/2022 đứng tên ông Nguyễn Ngọc H và bà Phạm Thị X.

Bà Phạm Thị X có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc H số tiền: 2.087.675.000 đồng (Hai tỷ không trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Sau khi thanh toán tiền xong cho ông H thì bà X có quyền đơn phương đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên quyền sở hữu sử dụng nhà đất trên theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Ngọc H phải trả cho ông Trần Như T số tiền còn nợ là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Cụ thể mỗi người phải trả 500.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc H phải có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước số tiền đã vay của Nguyễn Bích T2 là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) theo quyết định thi hành án chủ động số: 476/QĐ-CCTHADS ngày 9/12/2024 của chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình (Nay là thi hành án thành phố Hà Nội) trên cơ sở bản án đã có hiệu lực pháp luật số: 204/2024/HS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Số tiền 2.087.675.000 đồng bà X thanh toán tài sản chung vợ chồng cho ông H được nộp vào cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội - Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 để thi hành khoản tiền 500.000.000 đồng trả cho ông T phần còn lại được thanh toán cho khoản tiền 5.000.000.000 mà ông H phải có nghĩa vụ thi hành theo bản án số 204/2024/HS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội hiện thi

hành án thành phố Hà Nội đang thi hành theo quyết định thi hành án chủ động số 476/QĐ-CCTHADS ngày 9/12/2024 của chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình (Nay là thi hành án thành phố Hà Nội) số tiền còn thiếu ông H tiếp tục phải có nghĩa vụ thi hành theo quy định của pháp luật

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Như T về việc đòi nợ đối với bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Ngọc H. Buộc bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Ngọc H phải trả cho ông Trần Như T số tiền còn nợ là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), cụ thể mỗi người phải trả 500.000.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành

3. Về án phí: Bà Phạm Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 56.087.675 đồng án phí chia tài sản và 21.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng: 77.387.675 đồng.

Xác nhận bà X đã nộp 46.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0021279 ngày 25/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội - Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1. Bà Phạm Thị X còn phải nộp 31.387.675 đồng

Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu 56.087.675 đồng án phí chia tài sản và 21.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng: 77.087.675 đồng.

Ông Trần Như T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1;
- Phòng THA DS khu vực 1;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Vân